TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 391/2023/KDTM-ST
Ngày: 31 - 8 -2023
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Ngàn

2. Bà Đặng Thị Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 595/2020/DSST-KTST ngày 21/10/2020 về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5606/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 6166/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 và giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1961.

Địa chỉ liên lạc: S26 H, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976 (Theo Văn bản ủy quyền số 6284 ngày 05/4/2023) là đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: 840/31/1 H, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ: Tầng 10 Toà nhà M, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Hữu T, sinh năm 1980 – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: 98/25A C, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà, các đương sự đã tự nguyện thoả thuận với nhau về toàn bộ các vấn đề trong vụ án. Sau khi được nghe Chủ tọa phiên toà giải thích quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hậu quả pháp lý của việc Toà án công nhận sự thoả thuận là Quyết định công nhận sự thoả thuận của đương sự có hiệu lực pháp luật ngay

sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự xác định đã hiểu về nội dung thoả thuận và hậu quả pháp lý của việc Toà án ra quyết định công nhận sự thoả thuận.

Xét thấy, các đương sự đã tự thoả thuận giải quyết về toàn bộ các vấn đề trong vụ án, thoả thuận của đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật thi Hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Công ty Cổ phần Đ và bà Nguyễn Ngọc S thỏa thuận chấm dứt tất cả các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 106 ngày 25/6/2014;

+ Hai Hợp đồng hợp đồng hợp tác đầu tư không số đính kèm phụ lục hợp đồng ngày 31/7/2014;

+ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 342ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 343ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 344ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 345ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 346ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 347ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 348ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 349ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 350ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 351ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 352ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 353ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 354ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 355ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 356ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 357ALF ngày 10/10/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 358ALF ngày 10/10/2014;

+ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 468ALF ngày 12/12/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 469ALF ngày 12/12/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 470ALF ngày 12/12/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 471ALF ngày 12/12/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 472ALF ngày 12/12/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 473ALF ngày 12/12/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 474ALF ngày 12/12/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 475ALF ngày 12/12/2014; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 476ALF ngày 12/12/2014;

+ Ba Hợp đồng hợp tác đầu tư không số ký ngày 28/3/2015 đính kèm phiếu thu số 610709, 610707, 610708;

+ Năm Hợp đồng hợp tác đầu tư không số ký ngày 31/7/2015 đính kèm phiếu thu

số 620025; 620026; 620027; 620029; 620030;

+ Hợp đồng hợp tác đầu tư không số ký ngày 06/9/2015 đính kèm phiếu thu số 620087;

+ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 2087 ngày 07/9/2015.

1.2 Công ty Cổ phần Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc S số tiền 10.316.350.000 đồng.

2. Phương thức thanh toán: Công ty Cổ phần Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc S mỗi tháng số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng cho đến khi thanh toán hết số nợ nêu trên.

Thời hạn thanh toán: Công ty Cổ phần Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc S bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2023. Việc thanh toán được thực hiện từ ngày 01 đến ngày 15 dương lịch hàng tháng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí: Công ty Cổ phần Đ tự nguyện chịu án phí là 116.318.350 đồng.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Ngọc S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.324.608 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0029919 ngày 20 tháng năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Hạnh